

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HÀI CHÂU**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(đã được kiểm toán)

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU**

Số 15, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Điều hành	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-32
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-32



## CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 3656/QĐ-BNN-TCCB ngày 22/10/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100114184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 27/11/2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 15, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22/09/2016
Ông Lê Trung Thành	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 06/06/2016
Ông Cao Chiến Thắng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28/03/2017
Bà Nguyễn Hồng Anh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28/03/2017
Ông Nguyễn Đình Khiêm	Nguyên Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 28/03/2017
Bà Lê Thị Thùy	Nguyên Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 01/09/2017
Bà Phạm Thị Mai Hương	Nguyên Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 28/03/2017

Các thành viên của Ban Điều hành đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Hồng Thái	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/10/2017
Ông Nguyễn Doãn Cự	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31/03/2017
Bà Nguyễn Hồng Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29/06/2017
Ông Trần Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/10/2017
Bà Hà Thị Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 16/10/2017
Ông Phạm Văn Huyền	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/10/2017
Bà Lê Thị Thùy	Nguyên Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/09/2017
Ông Hoàng Sơn	Nguyên Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 16/01/2018

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đường Thị Hồng Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06/06/2016
Bà Ngô Thị Thu Hồng	Nguyên Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 17/10/2017
Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/03/2017
Bà Hồ Thị Thanh Thủy	Nguyên Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/03/2017

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Điều hành



Nguyễn Văn Hội

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2018

Số: 280318.043/BCTC.KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành  
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu được lập ngày 23 tháng 02 năm 2018, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



---

**Vũ Xuân Biển**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

---

**Bùi Thanh Cương**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2066-2018-002-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>262.063.164.292</b>	<b>191.235.310.010</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>41.685.423.283</b>	<b>79.701.098.701</b>
111	1. Tiền		41.685.423.283	79.701.098.701
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>189.452.462.862</b>	<b>63.445.496.750</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	128.109.479.093	51.984.813.448
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	56.542.237.793	10.651.628.193
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	4.800.745.976	809.055.109
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	7	<b>28.407.662.210</b>	<b>47.254.273.512</b>
141	1. Hàng tồn kho		28.407.662.210	47.254.273.512
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.517.615.937</b>	<b>834.441.047</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	427.976.861	834.441.047
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.089.639.076	-
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>133.123.762.775</b>	<b>141.252.831.861</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	<b>36.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	-	36.000.000
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>109.300.124.547</b>	<b>123.583.115.588</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	108.905.887.534	123.033.421.899
222	- Nguyên giá		254.713.910.415	254.691.275.002
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(145.808.022.881)	(131.657.853.103)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	394.237.013	549.693.689
228	- Nguyên giá		1.312.916.800	1.312.916.800
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(918.679.787)	(763.223.111)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>21.298.349.579</b>	<b>15.454.714.986</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	21.298.349.579	15.454.714.986
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.525.288.649</b>	<b>2.179.001.287</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	2.525.288.649	2.179.001.287
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>395.186.927.067</b>	<b>332.488.141.871</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>212.021.296.523</b>	<b>166.675.538.149</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>204.468.001.736</b>	<b>166.624.912.310</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	63.061.903.136	56.177.788.210
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	1.091.570.013	2.353.934.115
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.543.326.200	12.436.213.630
314	4. Phải trả người lao động		9.075.682.298	12.795.553.964
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	11.858.973.643	6.791.674.788
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	12.353.448.110	14.363.724.408
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	102.043.853.259	59.807.701.391
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		3.439.245.077	1.898.321.804
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>7.553.294.787</b>	<b>50.625.839</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	20.000.000	20.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	7.502.668.948	-
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		30.625.839	30.625.839
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>183.165.630.544</b>	<b>165.812.603.722</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>183.165.630.544</b>	<b>165.812.603.722</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		100.073.120.000	100.073.120.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		100.073.120.000	100.073.120.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		8.085.558.000	8.085.558.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		3.448.146.918	3.448.146.918
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		52.029.358.328	17.748.358.328
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		19.529.447.298	36.457.420.476
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		420.476	2.070.000
421b	LNST chưa phân phối năm nay		19.529.026.822	36.455.350.476
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>395.186.927.067</b>	<b>332.488.141.871</b>

Khúc Thị Minh Phương  
Người lập

Hà Thị Phương Thảo  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hội  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị







**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	769.090.432.755	776.805.845.596
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	963.116.866	2.984.419.899
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		768.127.315.889	773.821.425.697
11	4. Giá vốn hàng bán	22	636.637.752.348	628.105.670.503
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		131.489.563.541	145.715.755.194
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	69.323.756	106.485.505
22	7. Chi phí tài chính	24	8.685.659.449	2.480.498.219
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		7.297.884.739	1.455.715.262
25	8. Chi phí bán hàng	25	67.311.115.829	87.190.035.656
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31.109.226.347	33.855.932.261
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		24.452.885.672	22.295.774.563
31	11. Thu nhập khác	27	1.510.118.695	39.189.638.518
32	12. Chi phí khác	28	1.030.974.725	570.715.007
40	13. Lợi nhuận khác		479.143.970	38.618.923.511
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		24.932.029.642	60.914.698.074
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	5.403.002.820	12.450.573.198
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		19.529.026.822	48.464.124.876
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	1.951	4.843

  
Khúc Thị Minh Phương  
Người lập

  
Hà Thị Phương Thảo  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Văn Hội  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2017

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		767.373.048.591	802.448.956.158
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(683.377.502.131)	(614.607.623.304)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(63.881.832.088)	(52.931.906.801)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(7.238.692.058)	(3.143.967.128)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(12.585.339.404)	(14.552.365.126)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		905.633.825	10.455.712.984
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(48.970.139.133)	(63.956.643.824)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(47.774.822.398)</b>	<b>63.712.162.959</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(41.100.040.282)	(16.337.170.935)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.051.042.690	56.363.637
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		67.454.267	106.372.261
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(39.981.543.325)</b>	<b>(16.174.435.037)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		440.896.589.331	236.457.852.412
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(391.157.768.515)	(204.966.181.440)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(24.347.629.551)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>49.738.820.816</b>	<b>7.144.041.421</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(38.017.544.907)</b>	<b>54.681.769.343</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>79.701.098.701</b>	<b>25.019.216.113</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.869.489	113.245
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>3</b>	<b>41.685.423.283</b>	<b>79.701.098.701</b>

Khúc Thị Minh Phương  
Người lập

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2018

Hà Thị Phương Thảo  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hội  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 3656/QĐ-BNN-TCCB ngày 22/10/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100114184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 27/11/2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 15, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 100.073.120.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 100.073.120.000 đồng; tương đương 10.007.312 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và dịch vụ.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất bánh kẹo, sô cô la, gia vị, mì ăn liền và chế biến các loại thực phẩm khác;
- Kinh doanh các loại nguyên vật liệu phục vụ sản xuất của Công ty;
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2017, nhằm tiết giảm chi phí hoạt động và nâng cao tỷ suất lợi nhuận, Công ty thực hiện thay đổi trong công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo đó, Công ty giải thể các chi nhánh Hà Nam, Phú Thọ, Hưng Yên, Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Nghệ An và thực hiện sáp nhập hoạt động chung với Văn phòng. Điều này dẫn tới khoản mục chi phí "Chi phí bán hàng" như khoản mục doanh thu khác (là doanh thu phát sinh chính tại các Chi nhánh như tiền cho thuê biển đặt biển quảng cáo, thuê quầy hàng, vị trí kinh doanh....) của năm 2017 giảm mạnh so với năm 2016.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Nhà máy Bánh kẹo Hải Châu I

Địa chỉ

Hưng Yên

Hoạt động kinh doanh chính

Sản xuất thực phẩm

Nhà máy Bánh kẹo Hải Châu II

Nghệ An

Sản xuất thực phẩm

Công ty có các đơn vị đã giải thể tại ngày 01/04/2017 như sau:

Địa chỉ

Hoạt động kinh doanh chính

Chi nhánh Công ty cổ phần bánh kẹo Hải Châu tại Hà Nội

Hà Nội

Kinh doanh thương mại

Chi nhánh Công ty cổ phần bánh kẹo Hải Châu tại Hà Nam

Hà Nam

Kinh doanh thương mại

# CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chi nhánh Công ty cổ phần bánh kẹo Hải Châu tại Việt Trì	Phú Thọ	Kinh doanh thương mại
Chi nhánh Công ty cổ phần bánh kẹo Hải Châu tại Hưng Yên	Hưng Yên	Kinh doanh thương mại
<b>Công ty có các đơn vị đã giải thể tại ngày 01/06/2017 như sau:</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
Chi nhánh Công ty cổ phần bánh kẹo Hải Châu tại Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại
Chi nhánh Công ty cổ phần bánh kẹo Hải Châu tại Đà Nẵng	Hà Nội	Kinh doanh thương mại
Chi nhánh Công ty cổ phần bánh kẹo Hải Châu tại Nghệ An	Hà Nội	Kinh doanh thương mại

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

### 2.4 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

## **2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## **2.7 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.8 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.9 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 08	năm
- Quyền sử dụng đất	10	năm
- Phần mềm quản lý	05	năm

**2.10 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.11 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.12 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.13 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.14 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.15 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

**2.16 . Doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.17 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

**2.18 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**2.19 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.







































